

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 111/TTr-TNMT ngày 15/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH công nghệ Liangze Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Một phần lô đất CN-01 thuộc Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, Thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy công nghệ Liangze Việt Nam” tại Một phần lô đất CN-01 thuộc Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Thuê đất của Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy công nghệ Liangze Việt Nam

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH công nghệ Liangze Việt Nam

1.3. Địa điểm hoạt động: Một phần lô đất CN-01 thuộc Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Thuê đất của Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang).

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400974561 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/9/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với Mã số dự án 3224533538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 20/9/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400974561

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất, gia công, lắp đặt, vận hành, bảo trì bảo dưỡng máy cán màng, máy nóng chảy, máy điểm keo, thiết bị kiểm tra, thiết bị lắp ráp, thiết bị laser.

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí điện tử, thiết bị tự động hoá.

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất khuôn mẫu, khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá các loại và các sản phẩm cơ khí khác bằng kim loại.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Một phần lô đất CN-01 thuộc Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Thuê đất của Công ty TNHH đầu tư Capella Bắc Giang) với diện tích đất sử dụng: 7.781 m².

- Quy mô, công suất của dự án

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Quy mô dự án:

++ Sản xuất, gia công, lắp đặt, vận hành, bảo trì bảo dưỡng máy cán màng, máy nóng chảy, máy điểm keo, thiết bị kiểm tra, thiết bị lắp ráp, thiết bị laser: 7.750 sản phẩm/năm.

++ Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí điện tử, thiết bị tự động hoá: 15.000 sản phẩm/năm.

++ Sản xuất khuôn mẫu, khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá các loại và các sản phẩm cơ khí khác bằng kim loại: 25.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH công nghệ Liangze Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH công nghệ Liangze Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH công nghệ Liangze Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng, Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy công nghệ Liangze Việt Nam” tại một phần lô đất CN-01 thuộc Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư, thị trấn Nham Biên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Thuê đất của Công ty TNHH đầu tư Capella Bắc Giang) của Công ty TNHH công nghệ Liangze Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 159/QĐ-TNMT ngày 22/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH công nghệ Liangze Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Yên Dũng, UBND thị trấn Nham Biền, Công ty TNHH công nghệ Liangze Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (*lưu h/s*);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN^{Việt Anh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải**

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom về Trạm xử lý nước thải công suất 10m³/ngày đêm để xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn của Cụm công nghiệp trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư do Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra nguồn tiếp nhận (Theo Hồ sơ đầu nối hạ tầng giữa Công ty TNHH công nghệ Liangze Việt Nam và Công ty TNHH đầu tư Capella Bắc Giang), dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của dự án. Cụ thể:

- Nước thải từ nhà vệ sinh của 2 xưởng sản xuất số 1 và số 2 sau khi được xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 34 m³/bể (mỗi xưởng sản xuất có 01 bể) sẽ cùng nước thải từ khu vệ sinh nhà bảo vệ và nước rửa tay tại nhà ăn ca theo đường ống HDPE D150 dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 10m³/ngày đêm của dự án để xử lý.

- Ngoài ra, dự án sử dụng nước để làm mát trong quá trình sản xuất tại công đoạn tạo hình chi tiết sản phẩm, các bộ phận linh kiện bằng máy khắc tinh chế. Nước làm mát được sử dụng tuần hoàn, không xả thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt → Hồ ga → Bể gom → Bể điều hoà nước thải → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế trạm xử lý nước thải sinh hoạt: 10m³/ngày đêm.
- Công nghệ Trạm xử lý nước thải: Công nghệ xử lý bằng vi sinh AO + MBBR.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine: 2kg/tháng; Mật rỉ đường: 25kg/tháng; Xút NaOH: 25kg/tháng; Men vi sinh: 2kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Dừng hoạt động trạm xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển xử lý theo đúng quy định, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua trạm xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng trạm để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 15/09/2025 đến 15/12/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm:

Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Vị trí nước thải đầu vào và đầu ra sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Chất lượng nước thải sau xử lý và trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C, cột B	Tần suất quan trắc
1	pH	-	5,5 đến 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo khoản 2, điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD5 (20°C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	150	
4	Sunfua	mg/l	0,5	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
6	Tổng nitơ	mg/l	40	
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6	
8	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	
10	Coliform	vi khuẩn/100ml	5000	

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
Giai đoạn vận hành ổn định				

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể gom nước thải sinh hoạt	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày. Thời gian dự kiến: Ngày 15/9/2025	pH, BOD ₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau trạm xử lý nước thải	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 01/11/2025 - Lần 2: Ngày 02/11/2025 - Lần 3: Ngày 03/11/2025		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần B Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành trạm xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng, Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn**

- Nguồn số 1: Phát sinh từ hoạt động của máy móc sản xuất tại khu vực xưởng 1.

- Nguồn số 2: Phát sinh từ khu vực đặt máy nén khí phía Đông dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰, múi chiếu 3⁰)

- Nguồn số 1: Tại vị trí trung tâm xưởng khu vực xưởng 1, tọa độ: X = 2344671.0; Y = 417984.4

- Nguồn số 2: Tại vị trí đặt máy nén khí phía Đông dự án, tọa độ: X = 2344684.6; Y = 418016.6

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

- Các máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,...

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân. Có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

- Trồng cây xanh tại khu vực tuyến đường trục chính, dọc vỉa hè các tuyến đường nội bộ để hạn chế tiếng ồn phát tán, đồng thời tạo cảnh quan môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	=Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
2	Giẻ lau dính dầu, mỡ, hóa chất	18 02 01	12
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại	18 01 02	66
4	Đầu mẫu, phoi từ quá trình gia công tạo hình nhiễm thành phần nguy hại	07 03 11	150
5	Thùng đựng chất thải bằng nhựa có thành phần nguy hại	18 01 03	12
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	3
Tổng			273

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Các phần thừa từ nguyên liệu đầu vào (bìa carton, đầu mẫu kim loại thừa không nhiễm thành phần nguy hại,...)	9
2	Sản phẩm lỗi, hỏng không nhiễm thành phần nguy hại	19
3	Bao bì chứa nguyên liệu không chứa thành phần nguy hại	6
4	Nilon	5
5	Ba via, mẫu kim loại vụn, kim loại thừa không nhiễm thành phần nguy hại	17
6	Hộp mực in thải	0,003
Tổng		56,003

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án khoảng 30 kg/ngày. Thành phần chất thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh, giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: 07 thùng loại dung tích 240 lít/thùng.
- Thực hiện phân loại CTNH, không để lẫn CTNH khác loại với nhau hoặc với chất thải khác; thùng chứa được dán nhãn, mã số, dấu hiệu cảnh báo CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

- Kho chất thải nguy hại có diện tích 24m². Kho chất thải nguy hại được bố trí trong khu nhà chứa chất thải cạnh trạm xử lý nước thải của dự án phía Đông Bắc. Kho có kết cấu nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao và ngăn cách với ngăn khác bằng vách ngăn, có mái che, có biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định với tần suất thu gom 1 năm/1 lần hoặc khi kho lưu chứa đầy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 08 thùng chứa có dung tích 120 lít/thùng đặt tại khu vực sản xuất, phân loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ quá trình sản xuất ngay tại vị trí phát sinh.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu:

- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 30m². Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường được bố trí trong khu nhà chứa chất thải cạnh trạm xử lý nước thải của dự án phía Đông Bắc. Kho có kết cấu nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao và ngăn cách với ngăn khác bằng vách ngăn, có mái che, có biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Đối với chất thải có thể tái chế, tái sử dụng (đầu mẫu kim loại, bavia kim loại, bì carton..) được thu gom riêng, bán cho cơ sở thu mua. Chất thải rắn không thể tái chế được lưu giữ riêng trong các thùng chứa riêng.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi và xử lý theo quy định với tần suất thu gom 3 tháng/1 lần hoặc khi kho lưu chứa đầy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 06 thùng chứa dung tích 20 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng, nhà ăn, nhà vệ sinh,... để thu gom, phân loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy.

- Tại kho chứa bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng để tập kết rác thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho chứa rác thải sinh hoạt diện tích 24 m². Kho chất thải rắn sinh hoạt được bố trí trong khu nhà chứa chất thải cạnh trạm xử lý nước thải của dự án phía Đông Bắc. Kho có kết cấu nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao và ngăn cách với ngăn khác bằng vách ngăn, có mái che, có biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Bùn thải từ bể tự hoại, chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút cặn, xử lý định kỳ 1 năm/lần.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với tần suất vận chuyển 1 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng trạm xử lý nước thải.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH công nghệ Liangze Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành trạm xử lý nước thải tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 111/TTr-TNMT ngày 15/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.